

Nội dung bài viết

1. [Dàn ý phân tích bài thơ Tràng giang khổ 3 chi tiết](#)
2. [Phân tích khổ thơ thứ 3 bài Tràng giang \(mẫu 1\)](#)
3. [Phân tích khổ 3 bài Tràng giang \(mẫu 2\)](#)

Dàn ý phân tích bài thơ Tràng giang khổ 3 chi tiết

1. Mở bài

- Giới thiệu về tác giả Huy Cận và bài thơ Tràng giang
- Dẫn dắt vào vấn đề khổ thơ thứ ba trong bài Tràng giang

2. Thân bài

a. Khái quát chung

Với nhan đề, nhà thơ đã khéo gợi lên một vẻ đẹp cổ điển lại hiện đại:

“Tràng giang” gợi hình ảnh một con sông dài, rộng lớn.

Tác giả đã sử dụng từ Hán Việt để gợi không khí cổ kính trang nghiêm. Tác giả còn sử dụng từ biến âm “tràng giang” thay cho “trường giang”, hai âm “ang” đi liền nhau đã gợi lên trong người đọc cảm giác về con sông, không chỉ dài vô cùng mà còn rộng mênh mông, bát ngát.

Câu thơ đề từ “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài” gợi nỗi buồn sâu lắng trong lòng người đọc. Đồng thời cho người đọc thấy rõ hơn cảm xúc chủ đạo của tác giả xuyên suốt tác phẩm. Đó là tâm trạng “bâng khuâng”; nỗi buồn mênh mang, không rõ nguyên do nhưng da diết, khôn nguôi. Đó còn là không gian rộng lớn “trời rộng sông dài” khiến hình ảnh con người càng trở nên nhỏ bé, lẻ loi, tội nghiệp.

→ Bài thơ diễn tả tâm trạng, cảm xúc của thi nhân khi đứng trước cảnh sông nước bao la trong một buổi chiều đầy tâm sự.

b. Phân tích khổ thơ thứ 3 trong bài Tràng giang

- “Bèo dạt về đâu hàng nối hàng”: phải chăng hình ảnh thơ ngoài ý nghĩa tả thực còn có ý nghĩa ẩn dụ tượng trưng: Nhà thơ đang sống trong cảnh mất nước, nô lệ, nên đã cảm nhận được cả thế hệ thanh niên lúc đó cũng như mình đang vật vờ, lênh đênh, trôi dạt, bị cuộc đời cuốn đi mà không biết trôi về đâu?

Câu 2, 3: Cảnh mênh mông, bu ồm bã, trống vắng quanh hiu của “Tràng giang” càng được nhân lên bằng mấy lần phủ định: “Không đò... không c ầu...”. Chiếc c ầu, con đò bắc nổi đôi bờ là biểu hiện của sự giao nối của con người và cuộc sống, thường gợi về cuộc sống tập nập, g ần gũi và gợi nhớ quê hương. Nhưng ở đây, tất cả bị phủ định: không một cái gì đó gợi về tình người, lòng người muốn gặp gỡ lại qua nơi đôi bờ hoang vắng. Hai bờ sông cứ thế chạy dài vô tận như hai thế giới cô đơn, không chút “ni ềm thân mật” của những tâm hồn đ ồng điệu.

Câu 4: Cảnh “tràng giang” chỉ còn “lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng”. Câu thơ đã vẽ lên được một bức tranh thật đẹp, tĩnh lặng nhưng rất bu ồm.

c. Tiểu kết

Bốn câu thơ, bốn hình ảnh, tất cả đều gợi bu ồm. Chúng “cộng hưởng” với nhau tạo thành bức tranh gợi về số phận nổi trôi, bơ vơ, bất hạnh, cô đơn của kiếp người trong xã hội cũ.

Nghệ thuật sử dụng thủ pháp quen thuộc của thơ cổ điển: lấy “không” để nói “có”.

3. Kết bài

Nêu nhận xét, cảm nhận khái quát về khổ thơ thứ ba

Mở rộng vấn đề bằng suy nghĩ và liên tưởng của mỗi cá nhân

Phân tích khổ thơ thứ 3 bài Tràng giang (mẫu 1)

Huy Cận là một trong những gương mặt tiêu biểu nhất trong phong trào Thơ mới. Giữa rừng hoa thơ mới, ông nổi bật với bút lực d ể d ẽ và phong cách sáng tác đa dạng. Nếu sau cách mạng tháng Tám thơ ông sôi nổi, nhiệt huyết phù hợp với không khí đổi mới của thời đại thì trước cách mạng Huy Cận được biết đến là một hồn thơ u sầu, ảo não. Tràng giang là bài thơ tiêu biểu nhất cho phong cách sáng tác trước cách mạng và cũng chính là cái "tôi" cô đơn, ảo não của Huy Cận trước thời cuộc. Đặc biệt, trong khổ thơ thứ ba, nhà thơ đã bộc lộ rõ nét nỗi nhớ quê hương, tâm trạng cô đơn, khắc khoải trước không gian sông nước mênh mông, bu ồm vắng.

Tràng giang được Huy Cận sáng tác trong một buổi chiều mùa thu, khi tác giả đứng ở bến đò Chèm ngắm nhìn cảnh sông nước mênh mang. Và cũng có lẽ do được sáng tác trong một không gian đặc biệt như vậy nên nhà thơ cảm nhận thấm thía được sự nhỏ bé, đơn độc của mình giữa thời cuộc. Trong khổ thơ thứ ba của bài, từng câu thơ đều khắc khoải một nỗi bu ồm man mác:

Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng;

Mênh mông không một chuyến đò ngang.

Không cần gọi chút niềm thân mật,

Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.

Khổ thơ không chỉ tái hiện lại không gian bu ãn vắng của sông nước mênh mông mà còn gửi gắm vào đó những tâm sự, nỗi lòng của mình về cuộc đời, về con người, thời cuộc. Hình ảnh đám bèo dạt trong câu thơ "Bèo dạt về đâu hàng nối hàng" không chỉ là hình ảnh tả thực mà nhà thơ quan sát được khi đứng ở bên đò mà còn là hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng cho chính nhà thơ, cho cả một thế hệ thanh niên yêu nước lúc bấy giờ. Đám bèo trôi dạt trên sông cũng giống như thế hệ thanh niên yêu nước đang lênh đênh, trôi dạt giữa thời cuộc. Họ đang phải sống trong cảnh nô lệ, không chấp nhận sự bất công của thời cuộc nhưng cũng không thể làm gì để đổi thay. Và những con người ấy rồi sẽ ra sao, thời cuộc sẽ cuốn trôi về đâu?

Đối mặt với sự cô đơn, bất lực, nhà thơ hướng sự chú ý vào khung cảnh xung quanh như để "núi kéo" một chút hi vọng dù nhỏ bé nhưng đành phải ôm lấy thất vọng:

Mênh mông không một chuyến đò ngang.

Không cần gọi chút niềm thân mật,

Cảnh vật xung quanh rộng lớn nhưng hoang vắng, quạnh quẽ, không có lấy một dấu hiệu của sự sống "không một chuyến đò ngang", không chút "niềm thân mật". Phải chăng khi con người bu ãn thì cảnh vật cũng thấm đượm tâm trạng con người như nhà thơ Nguyễn Du từng viết "Người bu ãn cảnh có vui đâu bao giờ".

Câu phủ định "không...không" càng tô đậm thêm khung cảnh vắng vẻ quạnh hiu nơi sông nước mênh mông. Chuyến đò ngang, chiếc còi là những vật thường xuất hiện nơi sông nước, là phương tiện gắn kết con người với dòng sông, nó gọi ra nhịp sống tập nập của con người. Thế nhưng ở đây, dù cố gắng tìm kiếm nhưng nhà thơ lại chẳng thể tìm thấy. Dòng sông dài rộng trở nên vắng vẻ, rợn ngợp, con người cô đơn và dòng sông hay cũng chính là cuộc đời rộng lớn ngoài kia như hai đối cực, không một chút "niềm thân mật".

Khổ thơ thứ ba khép lại với hình ảnh bờ xanh tiếp bãi vàng:

"Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng"

Ở câu thơ cuối, nhà thơ Huy Cận đã sử dụng những gam màu tươi sáng xanh, vàng để chấm phá cho bức tranh. Tưởng như những sắc màu này sẽ phần nào xoa đi cảm giác đơn độc, u tối cho bức tranh thơ, thế nhưng từ láy "lặng lẽ" đầu câu lại làm cho

dòng cảm xúc chưa kịp thăng hoa đã trềnh xuống. Câu thơ làm cho cảnh sông nước càng trở nên đìu hiu, vắng lặng.

Chỉ với 4 câu thơ ngắn gọn trong khổ thơ thứ ba, nhà thơ Huy Cận đã dựng lên trước mắt người đọc bức tranh cảnh-tình thực sinh động nhưng cũng thật tâm trạng. Mỗi cảnh vật đều chan chứa cảm xúc, nỗi buồn của người thi sĩ, đây cũng chính là cái tài, cái tình của Huy Cận trong Tràng giang.

Phân tích khổ 3 bài Tràng giang (mẫu 2)

Kho tàng văn học Việt Nam đã ghi danh của bao nhà thơ, nhà văn nổi tiếng với những tác phẩm tiêu biểu. Một trong số đó không thể không nhắc đến nhà thơ Huy Cận với bài thơ Tràng Giang. Khổ thơ thứ ba trong bài đã khắc họa bức tranh thiên nhiên đượm buồn và làm nổi bật tâm trạng của người nghệ sĩ.

Tràng Giang là một bài thơ nổi tiếng vì không chỉ có nội dung hay, đặc sắc mà còn có nhan đề độc đáo. “Tràng giang” đã khéo gợi lên một vẻ đẹp cổ điển lại hiện đại của một con sông dài, rộng lớn. Vốn dĩ, từ “Trường giang” dùng để chỉ con sông rộng lớn nhưng dưới ngòi bút tài tình của tác giả, ông đã biến tấu thành “Tràng giang” hai âm “ang” đi liền nhau đã gợi lên trong người đọc cảm giác về con sông, không chỉ dài vô cùng mà còn rộng mênh mông, bát ngát.

*Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng;
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gợi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.*

Đoạn thơ không chỉ lột tả vẻ đẹp buồn man mác, băng khuâng của dòng sông mà còn khéo léo gửi gắm tâm tư, nỗi lòng của người nghệ sĩ trước cảnh đẹp bình dị đó.

“Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng”

Hình ảnh những đám bèo nối tiếp nhau lững thững trôi dạt trên dòng sông, “hàng nối hàng” gợi cảm giác trải dài miên man vô tận. Phải chăng hình ảnh thơ ngoài ý nghĩa tả thực còn có ý nghĩa ẩn dụ tượng trưng: Nhà thơ đang sống trong cảnh mất nước, nô lệ, nên đã cảm nhận được cả thế hệ thanh niên lúc đó cũng như mình đang vật vờ, lênh đênh, trôi dạt, bị cuộc đời cuốn đi mà không biết trôi về đâu?

Không chỉ đám bèo lênh đênh trên mặt nước mà khung cảnh thiên nhiên nơi đây vẫn đầy hoang sơ:

*Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gợi chút niềm thân mật,*

Cảnh mênh mông, bu ồm bã, trống vắng quanh hiu của “Tràng giang” càng được nhân lên bằng mấy lần phủ định: “Không đò... không c ầu...”. Chiếc c ầu, con đò bắc nối đôi bờ là biểu hiện của sự giao nối của con người và cuộc sống, thường gợi về cuộc sống tấp nập, g ần gũi và gợi nhớ quê hương. Nhưng ở đây, tất cả bị phủ định: không một cái gì đó gợi về tình người, lòng người muốn gặp gỡ lại qua nơi đôi bờ hoang vắng. Hai bờ sông cứ thế chạy dài vô tận như hai thế giới cô đơn, không chút “ni ềm thân mật” của những tâm hồn đ ồng điệu.

Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.

Khung cảnh bu ồm càng thêm bu ồm khi “tràng giang” chỉ còn “lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng”. Câu thơ đã vẽ lên được một bức tranh thật đẹp, tĩnh lặng nhưng đ ậm bu ồm. Đoạn thơ chỉ có khung cảnh thiên nhiên đ ậm bu ồm, lặng lẽ mà không có một âm thanh dù chỉ là xơ xác. Bức tranh hoàn toàn tĩnh lặng, đằng sau vẻ tĩnh lặng ấy là nỗi lòng, tâm sự trong lòng người thi sĩ. Trước không gian bu ồm man mác là một lòng người đau đáu trước cảnh đất nước đang bị xâm lược chìm trong đau khổ, tương lai của con người không biết sẽ đi đâu về đâu.

Đoạn thơ đã vẽ ra trước mắt bạn đọc bức tranh khung cảnh thiên nhiên đ ậm bu ồm trước con sông rộng lớn và tâm trạng bu ồm bã của người thi sĩ trước khung cảnh đó. Nhi ều năm tháng qua đi nhưng tác phẩm vẫn giữ nguyên vẹn vẻ đẹp ban đ ầu của nó và để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng nhi ều thế hệ bạn đọc.